

## **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp theo)**

### **I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp HS :

- Nắm được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự.
- Biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

### **II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

Đây là bài thứ hai trong cụm bài về các phương châm hội thoại. Trong bài thứ nhất, HS đã được học phương châm về lượng và phương châm về chất. Bài này sẽ đề cập đến ba phương châm còn lại : phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự. Ngoài những điều lưu ý về các phương châm hội thoại nói chung đã nêu ở bài thứ nhất, có một số lưu ý riêng đối với ba phương châm này như sau :

1. Muốn biết một câu nói có tuân thủ phương châm quan hệ (nói đúng vào đề tài giao tiếp) hay không, cần biết thực sự người nói muốn nói điều gì qua câu đó. Xét những tình huống sau :

- (1) Khách : – *Nóng quá !*  
Chủ nhà : – *Mất điện rồi.*
- (2) Cô gái : – *Anh ơi ! Quả khế chín rồi kìa.*  
Chàng trai : – *Cành cây cao lắm !*
- (3) Sinh viên A : – *Hôm nay ngày mấy rồi nhỉ ?*  
Sinh viên B : – *Hết tiền rồi à ?*

Nếu chỉ xét nghĩa tường minh của câu (nghĩa được thể hiện ngay trên bề mặt qua câu chữ, còn được gọi là *nghĩa hiển ngôn*) thì dường như câu đáp của người thứ hai không tuân thủ phương châm quan hệ. Tuy nhiên, trong thực tế, đó là những tình huống giao tiếp rất bình thường và tự nhiên. Sở dĩ như vậy là vì người nghe hiểu và đáp lại câu nói theo hàm ý (nghĩa phải thông qua suy luận mới biết được). Chẳng hạn khi cô gái nói : "*Quả khế chín rồi kìa !*" thì chàng trai hiểu đó không đơn giản là một thông báo mà là một lời yêu cầu : "*Hãy hái quả khế cho em !*". Chính vì hiểu như vậy nên chàng trai mới đáp : "*Cành cây cao lắm !*". Nghĩa là phương châm quan hệ vẫn được tuân thủ.

Đối với những câu nói bắt đầu cuộc hội thoại, khi đề tài giao tiếp chưa được xác định rõ thì phương châm quan hệ có thể không được đặt ra.

Trong quá trình hội thoại, những người tham gia có thể thay đổi đề tài ; ngôn ngữ có những cách thức để báo hiệu sự thay đổi đó, chẳng hạn : "*À này, còn chuyện hôm qua thì sao ?*" ; "*Thôi, nói chuyện khác cho vui đi !*",...

2. Trong số các phương châm hội thoại thì phương châm cách thức có nội dung quen thuộc với HS hơn cả vì nó có liên quan trực tiếp đến những yêu cầu về cách thức diễn đạt mà các em được rèn luyện thường xuyên trong suốt quá trình học, từ bậc Tiểu học cho đến Trung học. Để tuân thủ phương châm này, người nói phải nắm vững các quy tắc ngữ âm, ngữ pháp và có vốn từ ngữ phong phú. Có thể nói rằng phần Tiếng Việt ở trường phổ thông chủ yếu giúp HS tuân thủ tốt phương châm này.

3. Phương châm lịch sự có liên quan đến một số nội dung đã học trong bài *Hội thoại* ở lớp 8 : vai xã hội trong hội thoại và lượt lời. Ở đây, vấn đề lịch sự được trình bày thành một nội dung độc lập và được coi như là một phương châm cơ bản của hội thoại.

Lịch sự là một yêu cầu quan trọng trong quan hệ giữa người với người trong cuộc sống nói chung và trong giao tiếp nói riêng, thể hiện ở hai phương diện chính :

- Khiêm tốn, không tự nhấn mạnh cái tôi quá mức.
- Đề cao, quan tâm đến người khác ; không làm phương hại đến thể diện, đến lĩnh vực riêng tư của người khác hoặc biết làm giảm nhẹ mức độ của những hành vi gây phương hại.

Trong giao tiếp, yêu cầu về lịch sự được thể hiện qua phương châm lịch sự.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

#### Hoạt động 1

*Bước 1.* GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi : Thành ngữ *ông nói gà, bà nói vịt* dùng để chỉ tình huống hội thoại như thế nào ?

Thành ngữ này dùng để chỉ tình huống hội thoại mà trong đó mỗi người nói một đằng, không khớp với nhau, không hiểu nhau.

*Bước 2.* GV yêu cầu HS cho biết điều gì sẽ xảy ra nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như vậy.

Nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như thế thì con người sẽ không giao tiếp với nhau được và những hoạt động của xã hội sẽ trở nên rối loạn. GV nên để cho HS phát triển ý này theo trí tưởng tượng riêng của các em.

*Bước 3.* Từ đó, GV có thể khẳng định :

Khi giao tiếp, cần *nói đúng vào đề tài* mà hội thoại đang đề cập, *tránh nói lạc đề.*

#### Hoạt động 2

*Bước 1.* GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi :

- Thành ngữ *dây cà ra dây muống, lúng búng như ngậm hột thị* dùng để chỉ những cách nói như thế nào ?

Thành ngữ thứ nhất dùng để chỉ cách nói dài dòng, rườm rà. Thành ngữ thứ hai dùng để chỉ cách nói ấp úng, không thành lời, không rành mạch.

- Những cách nói đó ảnh hưởng như thế nào đến giao tiếp ?

Những cách nói đó làm cho người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung được truyền đạt. Rõ ràng điều đó làm cho giao tiếp không đạt kết quả mong muốn.

- Qua đó có thể rút ra được bài học gì trong giao tiếp ?

Khi giao tiếp, cần chú ý đến cách nói *ngắn gọn, rành mạch.*

*Bước 2.* GV hướng dẫn HS xác định những cách hiểu khác nhau đối với câu "*Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy.*"

Câu trên có thể được hiểu theo hai cách tùy thuộc vào việc xác định cụm từ *của ông ấy* bổ nghĩa cho *nhận định* hay cho *truyện ngắn*. Nếu *của ông ấy* bổ

nghĩa cho *nhận định* thì câu trên có thể hiểu là : Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.

Nếu của *ông ấy* bổ nghĩa cho *truyện ngắn* thì câu trên có thể hiểu là : Tôi đồng ý với những nhận định của một (những) người nào đó về truyện ngắn của ông ấy (truyện ngắn do ông ấy sáng tác).

Trong nhiều tình huống giao tiếp, những yếu tố thuộc ngữ cảnh (người nói, người nghe, thời điểm nói, địa điểm nói, mục đích nói) có thể giúp người nghe hiểu đúng ý của người nói. Tuy nhiên cũng có những trường hợp mà người nghe không biết nên hiểu câu nói như thế nào.

Vì vậy thay vì dùng câu trên, tùy theo ý muốn diễn đạt mà có thể chọn một trong những câu sau :

- *Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.*
- *Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn mà ông ấy sáng tác.*
- *Tôi đồng ý với những nhận định của các bạn về truyện ngắn của ông ấy,...*

Khi giao tiếp, nếu không vì một lí do nào đó đặc biệt thì không nên nói những câu mà người nghe có thể hiểu theo nhiều cách. Bởi vì những câu nói như vậy khiến người nói và người nghe không hiểu nhau, gây trở ngại rất lớn cho quá trình giao tiếp.

*Bước 3.* Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

### **Hoạt động 3**

*Bước 1.* GV hướng dẫn HS đọc truyện *Người ăn xin* và trả lời các câu hỏi :

- Vì sao ông lão ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy như mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó ?

Tuy cả hai người đều không có của cải, tiền bạc gì nhưng cả hai đều cảm nhận được tình cảm mà người kia đã dành cho mình, đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông lão ăn xin. Đối với một người ở vào hoàn cảnh bần cùng (*đã già, đôi mắt đỏ hoe, nước mắt giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi*) cậu bé không hề tỏ ra khinh miệt, xa lánh mà vẫn có thái độ và lời nói hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đến người khác.

- Có thể rút ra bài học gì từ truyện này ?

Trong giao tiếp, dù địa vị xã hội và hoàn cảnh của người đối thoại như thế nào đi nữa thì người nói cũng phải chú ý đến cách nói tôn trọng đối với người đó. Không nên vì cảm thấy người đối thoại thấp kém hơn mình mà dùng những lời lẽ thiếu lịch sự.

*Bước 2.* Hệ thống hoá kiến thức. GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

**Hoạt động 4.** Hướng dẫn HS làm bài tập.

## IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**Bài tập 1.** Những câu tục ngữ, ca dao đó khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong đời sống và khuyên ta trong giao tiếp nên dùng những lời lẽ lịch sự, nhã nhặn.

Chú ý giải thích cho HS *uốn câu* trong "Kim vàng ai nỡ *uốn câu*" nghĩa là gì. *Uốn câu* ở đây có nghĩa là uốn thành chiếc lưỡi câu. Nghĩa của câu là : Không ai dùng một vật quý (chiếc kim bằng vàng) để làm một việc không tương xứng với giá trị của nó (uốn thành chiếc lưỡi câu).

Tìm một số câu tục ngữ, ca dao tương tự. Trong kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam có rất nhiều câu có nội dung thích hợp với yêu cầu này. GV có thể chọn những câu tục ngữ, ca dao sau đây :

- *Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,  
Người khôn nói tiếng dju dàu để nghe.*
- *Vàng thì thử lửa thử than,  
Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.*
- *Chẳng được miếng thịt miếng xôi  
Cũng được lời nói cho người tấm lòng.*
- *Một lời nói quan tiền thúng thóc, một lời nói  
dùi đục cẳng tay.*
- *Một câu nhin là chín câu lành.*

**Bài tập 2.** Phép tu từ từ vựng có liên quan trực tiếp với phương châm lịch sự là phép nói giảm nói tránh. Cần lưu ý cụm từ "liên quan trực tiếp", vì trong giao tiếp đôi khi để tuân thủ phương châm lịch sự, người ta có thể dùng những phép tu từ khác, nhưng nói giảm nói tránh là cách nói chuyên dùng nhằm mục đích đó. Chẳng hạn, thay vì nói bạn mình *bị trượt* hai môn, nhiều HS nói là *bị vướng* hai môn. Thay vì chê bài viết của người khác dở, ta nói *bài viết chưa được hay*.

**Bài tập 3.** Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống :

- a) Nói dju nhẹ như khen, nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách là *nói mát*.
- b) Nói trước lời mà người khác chưa kịp nói là *nói hót*.
- c) Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là *nói móc*.
- d) Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là *nói leo*.
- e) Nói rành mạch, cặn kẽ, có trước có sau là *nói ra đầu ra đũa*.

Các từ ngữ trên chỉ những cách nói liên quan đến phương châm lịch sự (a), (b), (c), (d) và phương châm cách thức (e).

**Bài tập 4.** Đôi khi người nói phải dùng những cách diễn đạt như vậy vì :

a) Khi người nói chuẩn bị hỏi về một vấn đề không đúng vào đề tài mà hai người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu là mình không tuân thủ phương châm quan hệ, người nói dùng cách diễn đạt trên.

b) Trong giao tiếp, đôi khi vì một lí do nào đó, người nói phải nói một điều mà người đó nghĩ là sẽ làm tổn thương thể diện của người đối thoại. Để giảm nhẹ ảnh hưởng, tức là xuất phát từ việc chú ý tuân thủ phương châm lịch sự, người nói dùng những cách diễn đạt trên.

c) Những cách nói này báo hiệu cho người đối thoại biết là người đó đã không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó.

**Bài tập 5.** Giải thích nghĩa của các thành ngữ và cho biết phương châm hội thoại có liên quan đến mỗi thành ngữ :

– *nói bằm nói bở*: nói bộp chộp, xía xói, thô bạo (phương châm lịch sự).

– *nói như đâm vào tai*: nói mạnh, trái ý người khác, khó tiếp thu (phương châm lịch sự).

– *điều nặng tiếng nhẹ*: nói trách móc, chì chiết (phương châm lịch sự).

– *nửa úp nửa mở*: nói mập mờ, ồm ồm, không nói ra hết ý (phương châm cách thức).

– *mồm loa mép giải*: lảm lời, đanh đá, nói át người khác (phương châm lịch sự).

– *đánh trống lảng*: lảng ra, né tránh không muốn tham dự một việc nào đó, không muốn đề cập đến một vấn đề nào đó mà người đối thoại đang trao đổi (phương châm quan hệ).

– *nói như dùi đục chấm mắm cáy*: nói không khéo, thô cục, thiếu tế nhị (phương châm lịch sự).

**V – TÀI LIỆU THAM KHẢO** (xem trang 11)